

Quảng Nam, ngày 05 tháng 07 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành danh mục khung giá thu phí dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu**  
**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM**

Căn cứ Quyết định số: 428/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số: 4268/QĐ-BYT ngày 18/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy chế tổ chức và hoạt động đối với Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam;

Căn cứ Nghị định số: 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ thông báo số 447/TB-BV ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc định mức cơ cấu dịch vụ thu phí theo yêu cầu;

Theo đề nghị của Trưởng các khoa phòng, Trưởng phòng KHTH, Trưởng phòng TCKT Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục khung giá thu dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu (Phụ lục khung giá đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06/7/2022, thay thế toàn bộ các quyết định trước đây trái với quyết định này.

**Điều 3.** Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng KHTH và các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, TCKT

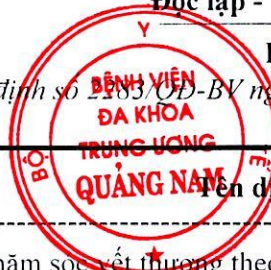


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Đính kèm Quyết định số 283/QĐ-BV ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện)



Stt	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ theo yêu cầu	Đơn giá thu (VNĐ)
1	DV071	(THU PHÍ) Chăm sóc vết thương theo yêu cầu (thay băng cắt chỉ theo yêu cầu)	60,000
2	DV072	(THU PHÍ) Chăm sóc vết thương bỏng theo yêu cầu	145,000
3	THU142	(THU PHÍ) Tiêm huyết thanh uốn ván	40,000
4	DV074	(THU PHÍ) Khâu thương giầu chỉ theo yêu cầu vết thương nông	240,000
5	DV075	(THU PHÍ) Khâu thương giầu chỉ theo yêu cầu vết thương sâu	320,000
6	DV076	(THU PHÍ) In phim MRI theo yêu cầu (có thuốc đối quang từ)	250,000
7	DV077	(THU PHÍ) In phim MRI theo yêu cầu (không có thuốc đối quang từ)	200,000
8	DV078	(THU PHÍ) In phim CT theo yêu cầu (có thuốc cản quang)	200,000
9	DV079	(THU PHÍ) In phim CT theo yêu cầu (không có thuốc cản quang)	120,000
10	DV080	(THU PHÍ) In phim X quang theo yêu cầu	40,000
11	TKTG01	(THU PHÍ) Dịch vụ tắm khô tại giường	45,000
12	DV082	(THU PHÍ) Dịch vụ gội đầu tại giường tại giường phục vụ người bệnh	25,000
13	GOI003	(THU PHÍ) Gói vệ sinh răng miệng phục vụ người bệnh	12,000
14	DV084	(THU PHÍ) Trẻ hóa da bằng chiếu đèn led	94,000
15	DV085	(THU PHÍ) Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn led	94,000
16	(TH017)	(THU PHÍ) Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	145,000
17	(TH016)	(THU PHÍ) Đắp mặt nạ điều trị da nhờn, mụn trứng cá	145,000
18	(TH014)	(THU PHÍ) Đắp mặt nạ điều trị da nhạy cảm, kích ứng	200,000
19	DV089	(THU PHÍ) Đắp mặt nạ điều trị da nám, tàn nhang	200,000
20	PHA15	(THU PHÍ) Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	735,000
21	PHA16	(THU PHÍ) Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	735,000
22	DV092	(THU PHÍ) Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA tại chỗ	232,000
23	DV093	(THU PHÍ) Điều trị nốt ruồi bằng Laser CO2	325,000
24	DV094	(THU PHÍ) Khám xác định tình trạng nghiện	200,000
25	DV095	(THU PHÍ) Tiêm huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) theo yêu cầu	700,000
26	DV096	(THU PHÍ) Tiêm huyết tương giàu tiểu cầu điều trị vết thương mạn tính theo yêu cầu	2,800,000
27	DV097	(THU PHÍ) Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu	300,000
28	DV098	(THU PHÍ) Triển khai rút sonde JJ theo yêu cầu tại phòng khám	800,000
29	DV099	(THU PHÍ) Phẫu thuật theo yêu cầu loại 3 (KHOA NGOẠI TỔNG HỢP)	1,500,000
30	DV100	(THU PHÍ) Phẫu thuật theo yêu cầu loại 2 (KHOA NGOẠI TỔNG HỢP)	2,000,000
31	DV101	(THU PHÍ) Phẫu thuật theo yêu cầu loại 1 (KHOA NGOẠI TỔNG HỢP)	3,000,000
32	DV102	(THU PHÍ) Phẫu thuật theo yêu cầu loại đặc biệt (KHOA NGOẠI TỔNG HỢP)	5,000,000
33	DV103	(THU PHÍ) Kỹ thuật điều trị vàng da sơ sinh	100,000
34	DV104	(THU PHÍ) Dịch vụ chăm sóc sơ sinh (có mẹ)	30,000
35	DV105	(THU PHÍ) Dịch vụ chăm sóc sơ sinh (không có mẹ)	100,000
36	DV106	(THU PHÍ) Dịch vụ khám tư vấn dinh dưỡng	50,000
37	DV107	(THU PHÍ) Nội soi dạ dày gây mê theo yêu cầu	600,000
38	DV108	(THU PHÍ) Test hơi thở C13 chẩn đoán HP theo yêu cầu	450,000
39	ABI	(THU PHÍ) Chẩn đoán xơ vữa động mạch bằng phương pháp ABI	90,000
40	DV110	(THU PHÍ) Điều trị suy tĩnh mạch chi dưới bằng đốt sóng RF, Laser (Điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch)	14,010,000
41	DV112	(THU PHÍ) Sao lưu hồ sơ bệnh án	50,000
42	DV113	(THU PHÍ) Cấp giấy chứng nhận thương tích	50,000
43	DV114	(THU PHÍ) Răng giả tháo lắp 1 răng	188,000
44	(TH010)	(THU PHÍ) Chụp sứ - Kim loại thường (Mão sứ -kim loại thường )	800,000



Stt	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ theo yêu cầu	Đơn giá thu (VNĐ)
45	(TH011)	(THU PHÍ) Chụp sứ - Titan (Mão sứ -Titan )	1,200,000
46	(TH012)	(THU PHÍ) Chụp sứ - Cercon(Mão sứ -Cerron )	3,000,000
47	DV118	(THU PHÍ) Răng thẩm mỹ có đóng chốt 1 răng	212,000
48	DV119	(THU PHÍ) Răng thẩm mỹ không đóng chốt 1 răng	162,000
49	DV120	(THU PHÍ) Tẩy răng bằng máy	900,000
50	DV121	(THU PHÍ) Tẩy trắng răng bằng đèn	1,400,000
51	PHA004	(THU PHÍ) Phẫu thuật yêu cầu loại đặc biệt (KHOA SẢN)	2,100,000
52	DV201	(THU PHÍ) Phẫu thuật yêu cầu loại I (KHOA SẢN)	1,600,000
53	DV202	(THU PHÍ) Phẫu thuật yêu cầu loại II (KHOA SẢN)	1,300,000
54	DV203	(THU PHÍ) Phẫu thuật yêu cầu loại III (KHOA SẢN)	900,000
55	(TH023)	(THU PHÍ) Xét nghiệm QF PCR dịch ối	1,900,000
56	DV205	(THU PHÍ) Xét nghiệm sàng lọc ba bệnh sau sinh (G6DP, Suy tuyến thận, Suy tuyến giáp)	420,000
57	DV206	(THU PHÍ) Xét nghiệm sàng lọc trước sinh Triple test	520,000
58	DV207	(THU PHÍ) Xét nghiệm sàng lọc trước sinh Double test	520,000
59	DV208	(THU PHÍ) Triệt sản nữ trong mô lấy thai	1,500,000
60	DV209	(THU PHÍ) Siêu âm thai 4 D	160,000
61	DV210	(THU PHÍ) Xoa bóp, bấm huyệt theo yêu cầu	64,200
62	DV211	(THU PHÍ) Cây chỉ theo yêu cầu	141,000
63	DV212	(THU PHÍ) Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ theo yêu cầu	239,000
64	DV213	(THU PHÍ) Điện châm theo yêu cầu	66,100
65	DV214	(THU PHÍ) Phòng yêu cầu 1 giường/ Phòng	250,000
66	DV215	(THU PHÍ) Phòng yêu cầu 2 giường/ Phòng	200,000
67	DV216	(THU PHÍ) Phòng yêu cầu 4 giường/ Phòng	150,000
68	DV217	(THU PHÍ) Phòng yêu cầu 6 giường/ Phòng	100,000
69	DV218	(THU PHÍ) Thu tiền xà phòng tắm bé (Thứ 7, CN, các ngày lễ, tết)	30,000
70	EV7002	(THU PHÍ) EV71 IgG/IgM test nhanh	113,000
71	DV219	(THU PHÍ) Tái tạo thành âm đạo, TSM trong cuộc đẻ	1,000,000
72	DV220	(THU PHÍ) Thủ thuật đỡ đẻ ngôi chòm theo yêu cầu	1,100,000
73	DV221	(THU PHÍ) Thu tiền yêu cầu tiêm huyết thanh viêm gan B	50,000
74	DV222	(THU PHÍ) Lọc rửa tinh trùng	500,000
75	DV223	(THU PHÍ) Điều trị vết mổ sản khoa bằng chiếu tia Plassma lạnh 3 phút	150,000
76	DV224	(THU PHÍ) Điều trị vết mổ sản khoa bằng chiếu tia Plassma lạnh 5 phút	210,000
77	DV225	(THU PHÍ) Điều trị vết mổ sản khoa bằng chiếu tia Plassma lạnh 7 phút	270,000
78	DV226	(THU PHÍ) Bơm tinh trùng vào buồng tử cung	500,000
79	DV227	(THU PHÍ) Tinh dịch đồ	350,000
80	DV228	(THU PHÍ) Đặt dụng cụ tử cung có đồng	255,000
81	DV229	(THU PHÍ) Tháo dụng cụ tử cung thường	30,000
82	DV230	(THU PHÍ) Tháo dụng cụ tử cung mất dây(khó)	180,000
83	DV231	(THU PHÍ) Ngày giường bệnh nhân điều trị ngoại trú tập trung	5,000